TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2019.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Kim Tân.**

2. Ông **Phạm Quang Nghĩa.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: *Không tham gia.*

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **548/**2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **71/**2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê A**, sinh năm 1987.*(Vắng mặt)*

ĐKTT: Thôn LY, xã ĐT, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

- Bị đơn: Anh **Võ B**, sinh năm 1985.*(Vắng mặt)*

ĐKTT: Ấp TH, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Số 2B đường S, khu phố 6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Tài xế.

Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-8-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê A trình bày:

Chị và anh Võ B tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung không hạnh phúc, do

bất đồng quan điểm, nhiều áp lực bên gia đình nhà chồng, chị và anh B không còn yêu thương nhau nữa. Chị đã về quê tại thôn LY, xã ĐT, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa sống từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy, không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên chị yêu cầu ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 người con tên Võ Ngọc Mỹ C, sinh ngày 23-01-2012, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Võ B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị A. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao người con tên Võ Ngọc Mỹ Anh cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Lê A và anh Võ B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 10-01-2011, của Ủy ban nhân dân xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai, cấp cho anh B – chị A đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Võ B và chị Lê A là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị A và anh B thống nhất, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, anh chị không sống chung từ năm 2015 đến nay (chị A về quê ở, còn anh B sống tại thị trấn G), nên không còn tình cảm yêu thương nhau. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập anh B, chị A để hòa giải mâu thuẫn, vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh B và chị A xin giải quyết vắng mặt, nên không hòa giải được. Chứng tỏ, hôn nhân của anh B và chị A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị A và anh B thống nhất có 01 người con tên Võ Ngọc Mỹ C, sinh ngày 23-01-2012, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, trùng với nguyện vọng của con. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị A và anh B trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:* Chị Lê A phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê A và anh Võ B.

2. Về con chung: Giao người con tên Võ Ngọc Mỹ C, sinh ngày 23-01-2012, cho chị Lê A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị A và anh B có yêu cầu khác.

Tạm thời anh Võ B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Lê A nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* tiền tạm ứng án phí chị A nộp theo Biên lai thu tiền số: **0003193** ngày **09-8-2019**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê A, anh Võ B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XT;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng